

7. Làm chủ đề, tổ chức ghi đề;
8. Tổ chức sản xuất, phát hành bảng đề, thơ đề và các ấn phẩm khác để đánh đề.

Điều 10. - Những hành vi đánh bạc bao gồm:

1. Đánh bạc dưới mọi hình thức: xóc đĩa, tá lả, tổ tôm, tú lơ khơ, tam cúc, 3 cây, tứ sắc, đỏ đen, cờ thế, và các hình thức khác;
2. Đánh bạc bằng máy, trò chơi điện tử, bóng tay, bàn bi-a hoặc bằng các phương tiện khác;
3. Tham gia cá cược ăn tiền trong các môn thể thao vui chơi giải trí (như đua ngựa, chọi gà, bóng đá v.v...) và mọi hình thức cá cược ăn tiền khác;
4. Mua bảng đề, ô số đề.

Chương III

PHÒNG, CHỐNG TỆ NẠN XÃ HỘI TRONG KINH DOANH CƠ SỞ LƯU TRÚ, NHÀ HÀNG ĂN UỐNG

Điều 11. - Nghiêm cấm các hoạt động sau đây ở các khách sạn, làng du lịch, bãi cắm trại, nhà nghỉ, nơi điều dưỡng, căn hộ cho thuê, nhà trọ bình dân (gọi chung là cơ sở lưu trú) và ở các nhà hàng ăn uống, quán cà phê, giải khát (gọi chung là nhà hàng ăn uống):

1. Đánh bạc;
2. Tiêm chích hoặc sử dụng ma túy;
3. Mua bán dâm.

Trường hợp xảy ra các hành vi nói trên thì người đứng đầu cơ sở kinh doanh, người trực tiếp vi phạm và nhân viên quản lý phải bị xử lý theo quy định xử phạt hành chính, bị thu hồi đăng ký kinh doanh hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

Điều 12. - Chỉ những cơ sở kinh doanh được các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép mới được tổ chức các hoạt động vũ trường, karaoke, chiếu video theo đúng các quy định.

Điều 13. -

1. Xoa bóp là một phương pháp trong hệ thống các phương pháp vật lý trị liệu nhằm phục hồi và nâng cao sức khỏe con người.

2. Chỉ có các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, các khách sạn được Giám đốc Sở Y tế tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cấp giấy chứng nhận đủ tiêu chuẩn và điều kiện hành nghề xoa bóp mới được tổ chức dịch vụ xoa bóp. Người thực hiện dịch vụ xoa bóp phải được đào tạo chuyên môn kỹ thuật về xoa bóp và vật lý trị liệu.

Bộ Y tế quy định cụ thể về tiêu chuẩn và điều kiện đối với dịch vụ xoa bóp.

3. Nghiêm cấm việc lợi dụng cơ sở xoa bóp để tiến hành các hoạt động mại dâm.

Điều 14. - Mỗi cơ sở lưu trú, nhà hàng ăn uống phải tự xây dựng nội quy quản lý nhân viên và hướng dẫn khách hàng phù hợp với Quy định này. Tất cả các cơ sở lưu trú đều phải đăng ký khách trọ, thực hiện đúng trách nhiệm và phạm vi quản lý theo chế độ quy định.

Điều 15. - Các cơ sở lưu trú, nhà hàng ăn uống phải bố trí phòng ngủ, phòng ăn, phòng giải trí, phòng giải khát bảo đảm thuận lợi cho việc loại trừ mọi hoạt động tệ nạn xã hội.

T.M. Chính phủ

Thủ tướng

VÕ VĂN KIẾT

NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số 88-CP ngày 14-12-1995 quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong các hoạt động văn hóa, dịch vụ văn hóa và phòng chống một số tệ nạn xã hội.

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Luật Báo chí ngày 28 tháng 12 năm 1989;

Căn cứ Luật Xuất bản ngày 7 tháng 7 năm 1993;

Căn cứ Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 6 tháng 7 năm 1995;

Căn cứ Quy chế Lưu hành, kinh doanh phim, băng đĩa hình, băng đĩa nhạc; bán, cho thuê xuất bản phẩm; hoạt động văn hóa và dịch vụ văn hóa nơi công cộng; quảng cáo, viết, đặt biển hiệu; Quy định Những biện pháp cấp bách bài trừ một số tệ nạn xã hội nghiêm trọng ban hành kèm theo Nghị định số 87-CP ngày 12-12-1995;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin, Bộ trưởng Bộ Nội vụ,

NGHỊ ĐỊNH:*Chương I***NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1.- Vi phạm hành chính trong các hoạt động văn hóa, dịch vụ văn hóa và phòng chống một số tệ nạn xã hội.

Vi phạm hành chính trong các hoạt động văn hóa, dịch vụ văn hóa và phòng chống một số tệ nạn xã hội quy định tại Nghị định này bao gồm những hành vi vi phạm hành chính trong hoạt động lưu hành, kinh doanh phim, băng đĩa hình, băng đĩa nhạc; bán và cho thuê xuất bản phẩm; hoạt động văn hóa và dịch vụ văn hóa nơi công cộng; quảng cáo và viết, đặt biển hiệu; phòng chống tệ nạn mại dâm, ma túy và đánh bạc.

Điều 2.- Đấu tranh chống vi phạm hành chính trong hoạt động văn hóa, dịch vụ văn hóa và phòng chống một số tệ nạn xã hội.

Mọi hành vi vi phạm trong các hoạt động văn hóa, dịch vụ văn hóa, phòng chống tệ nạn xã hội phải được phát hiện kịp thời và phải bị đình chỉ ngay. Việc xử phạt phải được tiến hành nhanh chóng, công minh; mọi hậu quả do vi phạm hành chính gây ra phải được khắc phục theo đúng pháp luật.

Điều 3.- Đối tượng bị xử lý vi phạm hành chính.

Cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm hành chính trong hoạt động văn hóa, dịch vụ văn hóa và phòng chống một số tệ nạn xã hội thì bị xử phạt theo hình thức, mức phạt quy định tại Nghị định này.

Người đứng đầu cơ quan, tổ chức Nhà nước, cán bộ, viên chức Nhà nước mà có hành vi vi phạm quy định tại Nghị định này thì ngoài việc bị xử phạt hành chính còn phải bị xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật.

Điều 4.- Áp dụng hình thức xử phạt và biện pháp khác.

1. Khi xử phạt bằng hình thức phạt tiền, mức tiền phạt cụ thể đối với một hành vi vi phạm hành chính là mức trung bình của khung tiền phạt quy định đối với hành vi đó; nếu vi phạm có tình tiết giảm nhẹ thì mức tiền phạt có thể giảm xuống thấp hơn nhưng không được giảm quá mức tối thiểu của khung tiền phạt; nếu vi phạm có tình tiết tăng nặng thì mức tiền phạt có thể tăng lên cao hơn nhưng không được vượt quá mức tối đa của khung tiền phạt.

Tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng được áp dụng theo quy định tại Điều 7 và Điều 8 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

2. Các hình thức xử phạt bổ sung và biện pháp khác phải được áp dụng kèm theo hình thức xử phạt chính nếu Nghị định này có quy định việc xử phạt bổ sung và áp dụng các biện pháp khác đối với hành vi vi phạm hành chính nhằm triệt để xử lý vi phạm, loại trừ nguyên nhân, điều kiện tiếp tục vi phạm và khắc phục mọi hậu quả do vi phạm hành chính gây ra.

Tất cả phim, băng đĩa hình, băng đĩa nhạc, sách, báo, tranh ảnh, lịch, văn hóa phẩm khác có nội dung đồi trụy, khiêu dâm, kích động bạo lực đều phải bị tịch thu và tiêu hủy.

Điều 5.- Xử lý vi phạm đối với người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính.

Người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính mà sách nhiễu nhân dân, dung túng, bao che cho cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm hành chính, không xử phạt hoặc xử phạt không kịp thời, không đúng mức, xử phạt quá thẩm quyền quy định thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại vật chất thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

*Chương II***HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH, HÌNH THỨC VÀ MỨC PHẠT**

Mục 1. HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG HOẠT ĐỘNG LƯU HÀNH, KINH DOANH PHIM, BĂNG ĐĨA HÌNH, BĂNG ĐĨA NHẠC, BÁN VÀ CHO THUÊ XUẤT BẢN PHẨM, HÌNH THỨC VÀ MỨC PHẠT

Điều 6.- Vi phạm các quy định về nhân bản băng đĩa nhạc.

1. Phạt tiền từ 200.000 đồng đến 500.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Nhân bản băng đĩa nhạc chưa được phép lưu hành với số lượng dưới 20 bản;

b) Nhân bản băng đĩa nhạc để kinh doanh mà không có văn bản thỏa thuận của chủ sở hữu bản quyền.

2. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.500.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Nhân bản băng đĩa nhạc chưa được phép lưu hành với số lượng từ 20 bản đến dưới 100 bản;

b) Chuyển nhượng giấy phép hoạt động nhân bản băng đĩa nhạc cho tổ chức, cá nhân khác hoặc sử dụng giấy phép hoạt động nhân bản băng đĩa nhạc của tổ chức, cá nhân khác.

3. Phạt tiền từ 1.500.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Nhân bản băng đĩa nhạc chưa được phép lưu hành với số lượng từ 100 bản trở lên;

b) Nhân bản băng đĩa nhạc mà không có giấy phép hoạt động nhân bản.

4. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Nhân bản băng đĩa nhạc đã có quyết định cấm lưu hành, quyết định thu hồi;

b) Nhân bản băng đĩa nhạc có nội dung đồi trụy, khiêu dâm, kích động bạo lực nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.

5. Hình thức xử phạt bổ sung và biện pháp khác đối với các hành vi vi phạm tại Điều này:

a) Tịch thu băng đĩa nhạc đối với trường hợp vi phạm quy định tại điểm a Khoản 1; điểm a Khoản 2; Khoản 3; điểm a Khoản 4;

Tịch thu phương tiện nhân bản đối với trường hợp tái phạm điểm a Khoản 1, điểm a Khoản 2; các trường hợp vi phạm quy định tại Khoản 3 và Khoản 4;

b) Tịch thu và tiêu hủy băng đĩa nhạc đối với trường hợp vi phạm quy định tại điểm b Khoản 4;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép hoạt động nhân bản đối với trường hợp vi phạm quy định tại điểm b Khoản 2; Khoản 4;

d) Buộc bồi thường thiệt hại thực tế không quá 1.000.000 đồng đối với trường hợp vi phạm quy định tại điểm b Khoản 1; nếu thiệt hại trên 1.000.000 đồng thì việc bồi thường được giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự.

Điều 7.- Vi phạm các quy định về nhân bản phim, băng đĩa hình.

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Nhân bản phim, băng đĩa hình chưa được phép lưu hành với số lượng dưới 20 bản;

b) Nhân bản phim, băng đĩa hình để kinh doanh mà không có văn bản thỏa thuận của chủ sở hữu bản quyền.

2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Nhân bản phim, băng đĩa hình chưa được phép lưu hành với số lượng từ 20 bản đến dưới 100 bản;

b) Chuyển tác phẩm điện ảnh chưa được phép lưu hành từ phim nhựa sang băng đĩa hình;

c) Chuyển nhượng giấy phép hoạt động nhân bản phim, băng đĩa hình cho tổ chức, cá nhân khác hoặc sử dụng giấy phép hoạt động nhân bản phim, băng đĩa hình của tổ chức khác.

3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Nhân bản phim, băng đĩa hình chưa được phép lưu hành với số lượng từ 100 bản trở lên;

b) Nhân bản phim, băng đĩa hình mà không có giấy phép hoạt động nhân bản.

4. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Nhân bản phim, băng đĩa hình đã có quyết định cấm lưu hành, quyết định thu hồi;

b) Nhân bản phim, băng đĩa hình có nội dung đồi trụy, khiêu dâm, kích động bạo lực nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.

5. Hình thức xử phạt bổ sung và biện pháp khác đối với các hành vi vi phạm tại Điều này:

a) Tịch thu phim, băng đĩa hình đối với trường hợp vi phạm quy định tại điểm a Khoản 1; các điểm a, b Khoản 2; Khoản 3; điểm a Khoản 4;

Tịch thu phương tiện nhân bản đối với trường hợp tái phạm điểm a Khoản 1, các điểm a, b Khoản 2; các trường hợp vi phạm quy định tại Khoản 3 và Khoản 4;

b) Tịch thu và tiêu hủy phim, băng đĩa hình đối với trường hợp vi phạm quy định tại điểm b Khoản 4;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép hoạt động nhân bản đối với trường hợp vi phạm quy định tại điểm c Khoản 2; Khoản 4;

d) Buộc bồi thường thiệt hại thực tế không quá 1.000.000 đồng đối với trường hợp vi phạm quy định tại điểm b Khoản 1; nếu thiệt hại trên 1.000.000 đồng thì việc bồi thường được giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự.

Điều 8.- Vi phạm các quy định về bán và cho thuê phim, băng đĩa hình, băng đĩa nhạc.

1. Phạt tiền từ 200.000 đồng đến 500.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Bán hoặc cho thuê băng hình không dán nhãn hoặc dán nhãn giả với số lượng dưới 20 bản;

b) Bán hoặc cho thuê phim, băng đĩa hình, băng đĩa nhạc không đúng địa điểm ghi trong giấy phép.

2. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.500.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Bán hoặc cho thuê băng hình không dán nhãn hoặc dán nhãn giả với số lượng từ 20 bản đến dưới 100 bản;

b) Bán hoặc cho thuê phim, băng đĩa hình, băng đĩa nhạc chưa được phép lưu hành;

c) Đánh tráo nội dung băng hình đã được dán nhãn để kinh doanh;

d) Bán nhãn băng hình giả;

đ) Chuyển nhượng giấy phép cho tổ chức, cá nhân khác hoặc sử dụng giấy phép của tổ chức, cá nhân khác để bán, cho thuê phim, băng đĩa hình, băng đĩa nhạc.

3. Phạt tiền từ 1.500.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi bán, cho thuê băng hình không dán nhãn hoặc dán nhãn giả với số lượng từ 100 bản trở lên.

4. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi bán, cho thuê phim, băng đĩa hình, băng đĩa nhạc không có giấy phép kinh doanh.

5. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Bán hoặc cho thuê phim, băng đĩa hình, băng đĩa nhạc đã có quyết định cấm lưu hành, quyết định thu hồi;

b) Bán hoặc cho thuê phim, băng đĩa hình, băng đĩa nhạc có nội dung đồi trụy, khiêu dâm, kích động bạo lực nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.

6. Hình thức xử phạt bổ sung và biện pháp khác đối với các hành vi vi phạm tại Điều này:

a) Tịch thu phim, băng đĩa hình, băng đĩa nhạc đối với trường hợp vi phạm quy định tại điểm a Khoản 1; các điểm a, b và c Khoản 2; Khoản 3; Khoản 4 trong trường hợp tái phạm; điểm a Khoản 5;

b) Tịch thu và tiêu hủy nhãn băng hình giả, phim, băng đĩa hình, băng đĩa nhạc đối với trường hợp vi phạm quy định tại điểm d Khoản 2; điểm b Khoản 5;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép đến 3 tháng đối với trường hợp vi phạm quy định tại điểm b Khoản 1;

Tước quyền sử dụng giấy phép đối với trường hợp vi phạm quy định tại điểm đ Khoản 2; Khoản 5.

Điều 9.- Làm sai lệch nội dung phim, băng đĩa hình, băng đĩa nhạc đã được phép lưu hành.

1. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi trích ghép, thêm âm thanh có tính chất đồi trụy, khiêu dâm, kích động bạo lực vào băng đĩa nhạc đã được phép lưu hành.

2. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi trích ghép, thêm âm thanh, hình ảnh có tính chất đồi trụy, khiêu dâm, kích động bạo lực vào phim, băng đĩa hình đã được phép lưu hành.

3. Hình thức xử phạt bổ sung và biện pháp khác đối với các hành vi vi phạm tại Điều này:

Tịch thu phương tiện, tịch thu và tiêu hủy băng đĩa nhạc, phim, băng đĩa hình đối với trường hợp vi phạm quy định tại Khoản 1; Khoản 2.

Điều 10.- Vi phạm các quy định về lưu hành phim, băng đĩa hình, băng đĩa nhạc.

1. Phạt tiền từ 200.000 đồng đến 500.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Chiếu băng đĩa hình không dán nhãn tại nơi công cộng;

b) Phát băng đĩa nhạc chưa được phép lưu hành tại nơi công cộng.

2. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.500.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Chiếu phim, băng đĩa hình chưa được phép lưu hành tại nơi công cộng;

b) Chuyển nhượng giấy phép cho tổ chức, cá nhân khác hoặc sử dụng giấy phép của tổ chức, cá nhân khác để kinh doanh chiếu phim, băng đĩa hình.

3. Phạt tiền từ 1.500.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi chiếu phim, băng đĩa hình với mục đích kinh doanh mà không có giấy phép kinh doanh.

4. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Phát băng đĩa nhạc đã có quyết định cấm lưu hành, quyết định thu hồi tại nơi công cộng;

b) Phát băng đĩa nhạc tại nơi công cộng có nội dung đồi trụy, khiêu dâm, kích động bạo lực.

5. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Chiếu phim, băng đĩa hình đã có quyết định cấm lưu hành, quyết định thu hồi;

b) Chiếu phim, băng đĩa hình có nội dung đồi trụy, khiêu dâm, kích động bạo lực nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.

6. Hình thức xử phạt bổ sung và biện pháp khác đối với các hành vi vi phạm tại Điều này:

a) Tịch thu phim, băng đĩa hình, băng đĩa nhạc đối với trường hợp vi phạm quy định tại Khoản 1; điểm a Khoản 2; điểm a Khoản 4 và điểm a Khoản 5;

b) Tịch thu và tiêu hủy phim, băng đĩa hình, băng đĩa nhạc đối với trường hợp vi phạm quy định tại điểm b Khoản 4; điểm b Khoản 5;

c) Tịch thu phương tiện đối với trường hợp vi phạm quy định tại Khoản 4; Khoản 5;

d) Tước quyền sử dụng giấy phép kinh doanh đối với trường hợp vi phạm quy định tại điểm b Khoản 2; Khoản 4 và Khoản 5.

Điều 11.- Vi phạm các quy định về bán và cho thuê sách (kể cả băng hình thay sách hoặc kèm theo sách), báo, tranh, ảnh, lịch.

1. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.500.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Bán sách, báo, tranh, ảnh, lịch hoặc cho thuê sách, báo không có giấy phép xuất bản hoặc giấy chấp nhận kế hoạch xuất bản;

b) Bán hoặc cho thuê sách có nội dung bị đánh tráo.

2. Phạt tiền từ 1.500.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Chuyển nhượng giấy phép kinh doanh dịch vụ báo chí, xuất bản phẩm cho tổ chức, cá nhân khác hoặc sử dụng giấy phép của tổ chức, cá nhân khác để kinh doanh dịch vụ báo chí, xuất bản phẩm;

b) Thực hiện không đúng nội dung ghi trong giấy phép kinh doanh dịch vụ báo chí, xuất bản phẩm;

c) Sửa chữa, tẩy xóa giấy phép kinh doanh dịch vụ báo chí, xuất bản phẩm;

d) Bán sách, báo, tranh, ảnh, lịch hoặc cho thuê sách, báo không có giấy phép kinh doanh dịch vụ.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Bán sách, báo, tranh, ảnh, lịch hoặc cho thuê sách, báo đã có quyết định cấm lưu hành, quyết định thu hồi;

b) Bán sách, báo, tranh, ảnh, lịch hoặc cho thuê sách, báo có nội dung đồi trụy, khiêu dâm, kích động bạo lực nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.

4. Hình thức xử phạt bổ sung và biện pháp khác đối với các hành vi vi phạm tại Điều này:

a) Tịch thu sách, báo, tranh, ảnh, lịch đối với trường hợp vi phạm quy định tại Khoản 1; điểm a Khoản 3;

b) Tịch thu và tiêu hủy sách, báo, tranh, ảnh, lịch đối với trường hợp vi phạm quy định tại điểm b Khoản 3;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép kinh doanh dịch vụ báo chí, xuất bản phẩm đối với trường hợp vi phạm quy định tại các điểm a, c Khoản 2; Khoản 3;

Tước quyền sử dụng giấy phép kinh doanh dịch vụ báo chí, xuất bản phẩm đến 3 tháng đối với trường hợp tái phạm điểm b Khoản 2.

Điều 12.- Vi phạm các quy định về xuất khẩu, nhập khẩu phim, băng đĩa hình, băng đĩa nhạc, sách, báo, tranh, ảnh, lịch.

1. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.500.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Khai man, dấu điểm phim, băng đĩa hình, băng đĩa nhạc, sách, báo, tranh, ảnh, lịch trong khi làm thủ tục xuất khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm;

b) Xuất khẩu, nhập khẩu phim, băng đĩa hình, băng đĩa nhạc, sách, báo, tranh, ảnh, lịch vượt quá số lượng ghi trong giấy phép.

2. Phạt tiền từ 1.500.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi xuất khẩu, nhập khẩu phim, băng đĩa hình, băng đĩa nhạc, sách, báo, tranh, ảnh, lịch không đúng danh mục ghi trong giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu.

3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Xuất khẩu, nhập khẩu phim, băng đĩa hình, băng đĩa nhạc, sách, báo, tranh, ảnh, lịch nhằm mục đích kinh doanh mà không có giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu;

b) Xuất khẩu, nhập khẩu băng đĩa nhạc, sách, báo, tranh, ảnh, lịch thuộc loại cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu với số lượng dưới 10 bản;

c) Xuất khẩu, nhập khẩu băng đĩa nhạc, sách, báo, tranh, ảnh, lịch có nội dung đồi trụy, khiêu dâm, kích động bạo lực với số lượng dưới 10 bản.

4. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Xuất khẩu, nhập khẩu phim, băng đĩa hình thuộc loại cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu;

b) Xuất khẩu, nhập khẩu băng đĩa nhạc, sách, báo, tranh, ảnh, lịch thuộc loại cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu với số lượng trên 10 bản;

c) Xuất khẩu, nhập khẩu phim, băng đĩa hình có nội dung đồi trụy, khiêu dâm, kích động bạo lực nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự;

d) Xuất khẩu, nhập khẩu băng đĩa nhạc, sách, báo, tranh, ảnh, lịch có nội dung đồi trụy, khiêu dâm, kích động bạo lực với số lượng trên 10 bản nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.

5. Hình thức xử phạt bổ sung và biện pháp khác đối với các hành vi vi phạm tại Điều này:

a) Tịch thu văn hóa phẩm khai man, dấu diếm, xuất khẩu hoặc nhập khẩu vượt quá số lượng, không đúng danh mục, không có giấy phép, văn hóa phẩm cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu đối với trường hợp vi phạm quy định tại Khoản 1; Khoản 2; các điểm a, b Khoản 3 và các điểm a, b Khoản 4;

b) Tịch thu và tiêu hủy văn hóa phẩm đối với trường hợp vi phạm quy định tại điểm c Khoản 3; các điểm c, d Khoản 4.

MỤC 2. HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG HOẠT ĐỘNG VĂN HÓA VÀ DỊCH VỤ VĂN HÓA NƠI CÔNG CỘNG, HÌNH THỨC VÀ MỨC PHẠT

Điều 13.- Vi phạm nếp sống văn minh trong hoạt động văn hóa và dịch vụ văn hóa nơi công cộng.

1. Phạt tiền từ 50.000 đồng đến 150.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Tổ chức hoạt động văn hóa và dịch vụ văn hóa tại nơi công cộng từ sau 24 giờ đến 5 giờ trừ trường hợp quy định tại điểm a Khoản 2 Điều 15 Nghị định này;

b) Tổ chức các hoạt động biểu diễn nghệ thuật, ca nhạc, vũ trường, chiếu phim, chiếu băng đĩa hình, karaoke gây ồn quá mức quy định;

c) Say rượu tại vũ trường, nơi khiêu vũ công cộng, phòng hát karaoke, nơi hoạt động văn hóa và dịch vụ văn hóa công cộng khác.

2. Phạt tiền từ 150.000 đồng đến 500.000 đồng đối với các hành vi dùng các phương thức phục vụ có tính chất khêu gợi tình dục tại vũ trường, điểm karaoke, nơi hoạt động văn hóa và dịch vụ văn hóa công cộng khác.

Điều 14.- Vi phạm các quy định về điều kiện của nơi hoạt động văn hóa và dịch vụ văn hóa công cộng.

1. Phạt tiền từ 200.000 đồng đến 500.000 đồng đối với hành vi không bảo đảm đủ ánh sáng theo

quy định tại vũ trường, nơi khiêu vũ công cộng, phòng hát karaoke.

2. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.500.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không bảo đảm đủ diện tích của vũ trường, của nơi khiêu vũ công cộng, phòng hát karaoke theo quy định;

b) Không lắp kính hoặc lắp kính mà bên ngoài không nhìn rõ toàn bộ phòng hát karaoke;

c) Treo, trưng bày tranh, ảnh, lịch hay vật khác có tính chất đồi trụy, khiêu dâm, kích động bạo lực tại vũ trường, nơi khiêu vũ công cộng, điểm hoạt động karaoke hoặc tại nơi hoạt động văn hóa và dịch vụ văn hóa công cộng khác.

3. Hình thức xử phạt bổ sung và biện pháp khác đối với các hành vi vi phạm tại Điều này:

Tịch thu và tiêu hủy tranh, ảnh, lịch hay vật khác đối với trường hợp vi phạm quy định tại điểm c Khoản 2.

Điều 15.- Vi phạm các quy định về hoạt động vũ trường, karaoke.

1. Phạt tiền từ 200.000 đồng đến 500.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Cho người say rượu vào vũ trường, nơi khiêu vũ công cộng, phòng hát karaoke;

b) Cho thuê, cho mượn địa điểm làm vũ trường, nơi khiêu vũ công cộng, hoạt động karaoke mà không giám sát để xảy ra hoạt động mại dâm, nghiện hút ma túy, đánh bạc;

c) Sử dụng vũ nữ mà không đăng ký danh sách với cơ quan Công an có thẩm quyền.

2. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.500.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Hoạt động vũ trường, karaoke quá giờ được phép;

b) Lưu hành phim, băng đĩa hình, băng đĩa nhạc hoặc biểu diễn tác phẩm sân khấu, âm nhạc, múa chưa được phép lưu hành tại vũ trường, nơi khiêu vũ công cộng, điểm karaoke;

c) Tắt đèn tại vũ trường, nơi khiêu vũ công cộng, phòng hát karaoke khi đang hoạt động.

3. Phạt tiền từ 1.500.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Kinh doanh hoạt động vũ trường, karaoke không đúng nội dung ghi trong giấy phép;

b) Chuyển nhượng giấy phép cho tổ chức, cá nhân khác hoặc sử dụng giấy phép của tổ chức, cá nhân khác để kinh doanh hoạt động vũ trường, karaoke;

c) Sử dụng vũ nữ làm việc tại vũ trường mà không ký kết hợp đồng lao động.

4. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Kinh doanh hoạt động vũ trường, karaoke không có giấy phép;

b) Lưu hành băng đĩa nhạc đã có quyết định cấm lưu hành, quyết định thu hồi tại vũ trường, nơi khiêu vũ công cộng, điểm karaoke.

c) Lưu hành băng đĩa nhạc có nội dung đồi trụy, khiêu dâm, kích động bạo lực tại vũ trường, nơi khiêu vũ công cộng, điểm karaoke;

5. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Lưu hành phim, băng đĩa hình, biểu diễn tác phẩm sân khấu, âm nhạc, múa đã có quyết định cấm lưu hành, quyết định thu hồi tại vũ trường, nơi khiêu vũ công cộng, điểm karaoke;

b) Lưu hành phim, băng đĩa hình, biểu diễn tác phẩm sân khấu, âm nhạc, múa có nội dung đồi trụy, khiêu dâm, kích động bạo lực tại vũ trường, nơi khiêu vũ công cộng, điểm karaoke.

6. Hình thức xử phạt bổ sung và biện pháp khác đối với các hành vi vi phạm tại Điều này:

a) Tịch thu phim, băng đĩa hình, băng đĩa nhạc đối với trường hợp vi phạm quy định tại điểm b Khoản 2, điểm b Khoản 4 và điểm a Khoản 5;

b) Tịch thu và tiêu hủy phim, băng đĩa hình, băng đĩa nhạc đối với trường hợp vi phạm quy định tại điểm c Khoản 4 và điểm b Khoản 5;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép đối với trường hợp vi phạm quy định tại điểm b Khoản 3; các điểm b, c Khoản 4; Khoản 5;

Tước quyền sử dụng giấy phép hành nghề đến 6 tháng đối với người biểu diễn có hành vi vi phạm quy định tại Khoản 5.

Tước quyền sử dụng giấy phép đến 3 tháng đối với trường hợp tái phạm điểm a Khoản 3.

Điều 16.- Vi phạm các quy định về hoạt động biểu diễn nghệ thuật, ca nhạc tại nơi công cộng.

1. Phạt tiền từ 50.000 đồng đến 150.000 đồng đối với hành vi cho trẻ em dưới 16 tuổi vào rạp chiếu phim, nơi chiếu băng hình để xem phim cấm trẻ em dưới 16 tuổi.

2. Phạt tiền từ 150.000 đồng đến 500.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Cho thuê, cho mượn địa điểm làm nơi tổ chức hoạt động văn hóa nghệ thuật mà để xảy ra hoạt động mại dâm, nghiện hút, tiêm chích ma túy, đánh bạc;

b) Phát hành vé quá số ghế hoặc quá sức chứa tại nơi tổ chức hoạt động văn hóa - nghệ thuật.

3. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.500.000 đồng đối với hành vi tổ chức cho các đoàn, nhóm nghệ thuật hoặc nghệ sĩ nước ngoài biểu diễn tại nơi công cộng mà không có giấy phép do cơ quan quản lý Nhà nước về Văn hóa - Thông tin có thẩm quyền cấp.

4. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi kinh doanh hoạt động văn hóa nghệ thuật mà không có giấy phép do cơ quan quản lý Nhà nước về Văn hóa - Thông tin có thẩm quyền cấp.

5. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Lưu hành băng đĩa nhạc đã có quyết định cấm lưu hành, quyết định thu hồi tại nơi tổ chức hoạt động văn hóa - nghệ thuật;

b) Lưu hành băng đĩa nhạc có nội dung đồi trụy, khiêu dâm, kích động bạo lực tại nơi tổ chức hoạt động văn hóa - nghệ thuật.

6. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Lưu hành phim, băng đĩa hình, biểu diễn tác phẩm sân khấu, âm nhạc, múa đã có quyết định cấm lưu hành, quyết định thu hồi tại nơi tổ chức hoạt động văn hóa nghệ thuật;

b) Lưu hành phim, băng đĩa hình, biểu diễn tác phẩm sân khấu, âm nhạc, múa có nội dung đồi trụy, khiêu dâm, kích động bạo lực tại nơi tổ chức hoạt động văn hóa nghệ thuật.

7. Hình thức xử phạt bổ sung và biện pháp khác đối với hành vi vi phạm tại Điều này:

a) Tịch thu phim, băng đĩa hình, băng đĩa nhạc đối với trường hợp vi phạm quy định tại điểm a Khoản 5; điểm a Khoản 6;

b) Tịch thu và tiêu hủy phim, băng đĩa hình, băng đĩa nhạc đối với trường hợp vi phạm quy định tại điểm b Khoản 5; điểm b Khoản 6;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép đối với trường hợp vi phạm quy định tại Khoản 5, Khoản 6;

d) Tước quyền sử dụng giấy phép hành nghề đến 6 tháng đối với diễn viên có hành vi vi phạm quy định tại Khoản 6.

Điều 17. - Dung túng, bao che cho các tệ nạn xã hội tại nơi hoạt động văn hóa và dịch vụ văn hóa công cộng.

Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi dung túng, bao che cho các hoạt động có tính chất đồi trụy, khiêu dâm, hoạt động mại dâm, sử dụng ma túy, kích động bạo

lực, đánh bạc hoặc "cá độ" được thua bằng tiền hoặc hiện vật nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự tại vũ trường, nơi khiêu vũ công cộng, điểm karaoke, nơi hoạt động văn hóa nghệ thuật.

Mục 3. HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH VỀ CÁC TỆ NẠN XÃ HỘI, HÌNH THỨC VÀ MỨC PHẠT

Điều 18. - Xử phạt hành vi mua dâm, bán dâm, chứa và môi giới mại dâm.

1. Người có hành vi mua dâm, bán dâm thì bị xử phạt theo hình thức, mức phạt quy định tại Điều 4 của Nghị định số 53-CP ngày 28-6-1994 của Chính phủ.

Người có hành vi mua dâm, bán dâm nhưng không thường xuyên, thì Chủ tịch Ủy ban Nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú xem xét, quyết định việc áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn.

2. Đối với người có hành vi bán dâm thường xuyên đã được chính quyền và nhân dân địa phương giáo dục nhiều lần mà vẫn không chịu sửa chữa, thì Chủ tịch Ủy ban Nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú lập hồ sơ để Chủ tịch Ủy ban Nhân dân cấp huyện đề nghị Chủ tịch Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh đưa vào cơ sở chữa bệnh; nếu là người chưa thành niên thì đưa vào trường giáo dưỡng.

3. Thủ tục áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn, đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở chữa bệnh thực hiện theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

4. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.500.000 đồng đối với hành vi môi giới mại dâm nhưng không thường xuyên mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.

5. Phạt tiền từ 1.500.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi môi giới mại dâm có tính chất thường xuyên mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.

6. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi chứa mại dâm mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.

Điều 19. - Xử phạt hành vi sử dụng, sản xuất, tàng trữ, mua bán, vận chuyển ma túy.

1. Người có hành vi sử dụng ma túy dưới mọi hình thức thì bị xử phạt theo hình thức, mức phạt quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 5 của Nghị định số 53-CP ngày 28-6-1994 của Chính phủ.

Người có hành vi sử dụng ma túy nhưng chưa đến mức nghiện, thì Chủ tịch Ủy ban Nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú xem xét, quyết định việc áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn.

2. Đối với người nghiện ma túy đã được chính quyền và nhân dân địa phương giáo dục nhiều lần mà vẫn không chịu sửa chữa, thì Chủ tịch Ủy ban Nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú lập hồ sơ để Chủ tịch Ủy ban Nhân dân cấp huyện đề nghị Chủ tịch Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh đưa vào cơ sở chữa bệnh; nếu là người chưa thành niên thì đưa vào trường giáo dưỡng.

3. Thủ tục áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn, đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở chữa bệnh thực hiện theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

4. Người sản xuất, tàng trữ, mua bán, vận chuyển trái phép các chất ma túy mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự thì bị xử phạt theo hình thức, mức phạt quy định tại Khoản 3 Điều 5 của Nghị định số 53-CP ngày 28-6-1994 của Chính phủ.

5. Hình thức xử phạt bổ sung và biện pháp khác đối với các hành vi vi phạm tại Điều này:

Tịch thu tang vật và phương tiện vi phạm quy định tại các Khoản 1, 2 và 4.

Điều 20. - Xử phạt hành vi đánh bạc, tổ chức đánh bạc.

1. Phạt tiền từ 200.000 đồng đến 500.000 đồng đối với hành vi mua các ô số đề, bảng đề.

2. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.500.000 đồng đối với một trong các hành vi đánh bạc sau đây mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự:

a) Đánh bạc dưới các hình thức như xóc đĩa, tá lả, tổ tôm, tú lơ khơ, tam cúc, 3 cây, tứ sắc, đồ đen, cờ thế hoặc các hình thức khác được, thua bằng tiền, hiện vật;

b) Đánh bạc bằng máy, trò chơi điện tử hoặc dưới các hình thức "cá độ" khác;

c) Cá cược ăn tiền dưới mọi hình thức trong hoạt động thi đấu thể thao, vui chơi giải trí, các hoạt động khác;

d) Bán thơ đề, ghi đề thuê để hưởng hoa hồng.

3. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự:

a) Nhận gửi tiền, cầm đồ, cho vay tại sòng bạc, nơi đánh bạc khác;

b) Làm bảo vệ tại sòng bạc, nơi đánh bạc khác hoặc che dấu việc đánh bạc;

c) Làm thơ đê.

4. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi tổ chức đánh bạc sau đây mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự:

a) Rủ rê, lôi kéo, tụ tập người khác để đánh bạc;

b) Dùng nhà của mình hoặc địa điểm khác để chứa bạc, gá bạc;

c) Đặt máy đánh bạc, trò chơi điện tử hoặc tổ chức các loại chơi "cá độ" dưới bất cứ hình thức nào để đánh bạc;

d) Tổ chức hoạt động cá cược ăn tiền.

5. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong các hành vi tổ chức đánh đề sau đây trong phạm vi phường, xã, thị trấn, quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự:

a) Làm chủ đề;

b) Tổ chức sản xuất, phát hành bảng đề, ấn phẩm khác cho việc đánh đề;

c) Tổ chức mạng lưới bán đề.

6. Người tổ chức đánh đề trong phạm vi liên quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, liên tỉnh hoặc tổ chức đánh đề với số lượng lớn hoặc đã bị xử lý hành chính mà còn vi phạm thì bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo Điều 200 của Bộ Luật Hình sự.

7. Hình thức xử phạt bổ sung và biện pháp khác đối với các hành vi vi phạm tại Điều này:

a) Tịch thu tiền do vi phạm mà có tang vật, phương tiện vi phạm đối với trường hợp vi phạm quy định tại Khoản 2; điểm a Khoản 3; các điểm c, d Khoản 4; Khoản 5;

b) Tịch thu và tiêu hủy thơ đề quy định tại điểm c Khoản 3.

Điều 21.- Vi phạm các quy định về phòng chống tệ nạn xã hội trong dịch vụ xoa bóp.

1. Phạt tiền từ 200.000 đồng đến 500.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Cho thuê, cho mượn giấy chứng nhận, chứng chỉ chuyên môn kỹ thuật về xoa bóp, vật lý trị liệu;

b) Hành nghề xoa bóp mà không có giấy chứng nhận, chứng chỉ chuyên môn kỹ thuật về xoa bóp, vật lý trị liệu hoặc sử dụng giấy chứng nhận, chứng chỉ của người khác.

2. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng người không có giấy

chứng nhận, chứng chỉ chuyên môn, kỹ thuật về xoa bóp, vật lý trị liệu để hành nghề xoa bóp.

3. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi chuyển nhượng giấy chứng nhận đủ tiêu chuẩn và điều kiện hành nghề xoa bóp cho cơ sở khác hoặc sử dụng giấy chứng nhận của cơ sở khác để hoạt động dịch vụ xoa bóp.

4. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi tổ chức dịch vụ xoa bóp mà không có giấy chứng nhận đủ tiêu chuẩn và điều kiện hành nghề xoa bóp.

5. Hình thức xử phạt bổ sung và biện pháp khác đối với các hành vi vi phạm tại Điều này:

Tước quyền sử dụng giấy chứng nhận, chứng chỉ chuyên môn, kỹ thuật về xoa bóp, vật lý trị liệu, giấy chứng nhận đủ tiêu chuẩn và điều kiện hành nghề xoa bóp đối với trường hợp vi phạm quy định tại Khoản 1 và Khoản 3.

Điều 22.- Vi phạm các quy định về phòng chống tệ nạn xã hội trong hoạt động của cơ sở lưu trú, nhà hàng ăn uống.

1. Phạt tiền từ 200.000 đồng đến 500.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không đánh số thứ tự các phòng của cơ sở lưu trú, nhà hàng ăn uống phù hợp với sơ đồ đã đăng ký;

b) Treo, trưng bày tranh, ảnh có tính chất đồi trụy, khiêu dâm, kích động bạo lực tại cơ sở lưu trú, nhà hàng ăn uống;

c) Không thực hiện việc đăng ký lưu trú đối với khách tại cơ sở của mình;

d) Không thực hiện việc khai báo tạm trú theo quy định đối với khách nghỉ tại cơ sở lưu trú;

đ) Khóa, chốt cửa phía trong phòng ăn, phòng giải khát của cơ sở lưu trú, nhà hàng ăn uống vào lúc đang có khách;

e) Dùng đèn mờ hoặc không bảo đảm đủ ánh sáng theo quy định tại phòng ăn, phòng giải khát, phòng vui chơi, giải trí của cơ sở lưu trú, nhà hàng ăn uống;

g) Dùng các phương thức phục vụ có tính chất khêu gợi tình dục tại cơ sở lưu trú, nhà hàng ăn uống;

h) Không đăng ký danh sách tiếp viên, nhân viên với cơ quan Công an có thẩm quyền.

2. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng tiếp viên, nhân viên làm việc tại trụ sở lưu trú, nhà hàng ăn uống mà không ký kết hợp đồng lao động.

3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

096.112
LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

a) Lưu hành băng đĩa nhạc đã có quyết định cấm lưu hành, quyết định thu hồi tại cơ sở lưu trữ, nhà hàng ăn uống;

b) Lưu hành băng đĩa nhạc có nội dung đồi trụy, khiêu dâm, kích động bạo lực tại cơ sở lưu trữ, nhà hàng ăn uống.

4. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Lưu hành phim, băng đĩa hình, biểu diễn tác phẩm sân khấu, âm nhạc, múa đã có quyết định cấm lưu hành, quyết định thu hồi tại cơ sở lưu trữ, nhà hàng ăn uống;

b) Lưu hành phim, băng đĩa hình, biểu diễn tác phẩm sân khấu, âm nhạc, múa có nội dung đồi trụy, khiêu dâm, kích động bạo lực tại cơ sở lưu trữ, nhà hàng ăn uống.

5. Hình thức xử phạt bổ sung và biện pháp khác đối với các hành vi vi phạm tại Điều này:

a) Tịch thu phim, băng đĩa hình, băng đĩa nhạc đối với trường hợp vi phạm quy định tại điểm a Khoản 3; điểm a Khoản 4;

b) Tịch thu và tiêu hủy tranh, ảnh, phim, băng đĩa hình, băng đĩa nhạc đối với trường hợp vi phạm quy định tại điểm b Khoản 1; điểm b Khoản 3; điểm b Khoản 4;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép kinh doanh đối với trường hợp vi phạm quy định tại Khoản 3, Khoản 4.

Tước quyền sử dụng giấy phép hành nghề đến 6 tháng đối với người biểu diễn có hành vi vi phạm quy định tại Khoản 4.

6. Đối với cơ sở lưu trữ, nhà hàng ăn uống quốc doanh mà vi phạm thì ngoài việc bị phạt tiền, tịch thu tang vật vi phạm, người phụ trách cơ sở, nhà hàng còn phải bị xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật.

Điều 23.- Dung túng, bao che, lôi kéo, chứa chấp các tệ nạn xã hội.

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với giám đốc khách sạn, chủ khách sạn, nhà khách, nhà hàng, quán trọ, nhà nghỉ, cơ sở xoa bóp mà bao che hoặc do thiếu trách nhiệm để hành vi mại dâm, ma túy, đánh bạc xảy ra trong cơ sở do mình quản lý.

Ngoài hình thức phạt tiền nói trên, cơ sở vi phạm có thể bị tước quyền sử dụng giấy phép kinh doanh; nếu là viên chức Nhà nước thì còn phải bị xử lý kỷ luật.

2. Thủ trưởng trực tiếp của người có hành vi mua dâm, bán dâm, sử dụng ma túy, đánh bạc mà bao che hoặc không kịp thời xử lý kỷ luật người vi phạm; người có nhiệm vụ trực tiếp đấu

tranh phòng chống tệ nạn xã hội mà dung túng, bao che hoặc không xử lý kịp thời để cho những hành vi này xảy ra trên địa bàn do mình quản lý thì bị xử lý kỷ luật theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 8 Nghị định số 53-CP ngày 28-6-1994 của Chính phủ.

3. Giám đốc khách sạn, chủ khách sạn, nhà khách, nhà hàng, quán trọ, nhà nghỉ, cơ sở xoa bóp hoặc bất cứ người nào khác mà tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc, chứa mại dâm, dụ dỗ hoặc dẫn dắt người mại dâm hoặc tổ chức dùng chất ma túy dưới bất kỳ hình thức nào mà không thuộc trường hợp quy định tại các Khoản 4, 5 và 6 Điều 18; Khoản 4 Điều 19; các Khoản 2, 3, 4 và 5 Điều 20 của Nghị định này thì phải bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo các Điều 200, 202 và 203 của Bộ Luật Hình sự; trường hợp dụ dỗ hoặc chứa chấp người chưa thành niên hoạt động mại dâm, dùng ma túy, đánh bạc thì phải bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo Điều 148 của Bộ Luật Hình sự.

Mục 4. HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC QUẢNG CÁO VÀ VIẾT, ĐẶT BIỂN HIỆU, HÌNH THỨC VÀ MỨC PHẠT

Điều 24.- Vi phạm các quy định về thủ tục xin phép quảng cáo.

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền đến 20.000 đồng đối với mỗi quảng cáo bằng áp phích, tờ rơi, tờ gấp không có giấy phép.

2. Phạt tiền từ 100.000 đồng đến 300.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Quảng cáo bằng băng-rôn không có giấy phép;

b) Nhận vẽ, trình bày bảng, biển quảng cáo mà khách hàng chưa được cấp giấy phép quảng cáo.

3. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.500.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không ghi số giấy phép, thời hạn quảng cáo hoặc tên chủ dịch vụ quảng cáo trên bảng, biển quảng cáo;

b) Quảng cáo sản phẩm, hàng hóa hoặc giới thiệu hoạt động của cơ sở mà không có giấy xác nhận, chứng nhận, đăng ký hoặc duyệt của cơ quan quản lý Nhà nước chuyên ngành theo quy định.

4. Phạt tiền từ 1.500.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Quảng cáo dược liệu, dược phẩm, mỹ phẩm, dụng cụ y tế và những hoạt động y tế mà chưa được cơ quan y tế có thẩm quyền duyệt;

b) Quảng cáo bằng bảng, biển quảng cáo quá thời hạn quy định trong giấy phép;

c) Quảng cáo trên xuất bản phẩm, trên các phương tiện giao thông mà không có giấy phép.

5. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi chuyển nhượng giấy phép kinh doanh dịch vụ quảng cáo, giấy phép thực hiện quảng cáo cho tổ chức, cá nhân khác hoặc sử dụng giấy phép của tổ chức, cá nhân khác để kinh doanh dịch vụ quảng cáo, thực hiện quảng cáo.

6. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Kinh doanh dịch vụ quảng cáo không có giấy phép;

b) Hoạt động dịch vụ hợp tác quảng cáo với cá nhân, tổ chức nước ngoài mà không có hợp đồng hợp tác kinh doanh;

c) Quảng cáo không có giấy phép tại nơi hoạt động văn hóa nghệ thuật;

d) Treo, dựng, đặt bảng, biển quảng cáo không có giấy phép.

7. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với cá nhân, tổ chức nước ngoài kinh doanh dịch vụ quảng cáo ở Việt Nam hoặc thực hiện quảng cáo mà không ký kết hợp đồng với người làm dịch vụ quảng cáo của Việt Nam.

8. Hình thức xử phạt bổ sung và biện pháp khác đối với các hành vi vi phạm tại Điều này:

a) Tước quyền sử dụng giấy phép đối với trường hợp vi phạm quy định tại Khoản 5;

b) Buộc tháo dỡ bảng-rôn, áp-phích, tờ rời, tờ gấp hoặc bảng, biển quảng cáo đối với trường hợp vi phạm quy định tại Khoản 1; điểm a, Khoản 2; các điểm b, c Khoản 4; điểm d Khoản 6; Khoản 7.

Điều 25.- Vi phạm các quy định về hình thức, phương thức quảng cáo.

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền đến 50.000 đồng đối với hành vi dùng âm thanh quá âm lượng quy định để quảng cáo từ 23 giờ đến 5 giờ.

2. Phạt tiền từ 300.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi quảng cáo trên bảng, biển quảng cáo có hình dáng, màu sắc, hình thức thể hiện tương tự các tín hiệu giao thông, biển báo công cộng.

3. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng/lm² vượt quá, 1 lần vượt quá, 1 ngày vượt quá hoặc 1% vượt quá đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Quảng cáo trên bảng, biển quảng cáo vượt quá diện tích (m²) quy định trong giấy phép;

b) Quảng cáo trên đài phát thanh, đài truyền hình vượt quá số lần cho phép trong một ngày hoặc vượt quá thời lượng (%) cho phép;

c) Quảng cáo trên báo in, đài phát thanh, đài truyền hình vượt quá số ngày cho phép trong một đợt;

d) Quảng cáo trên báo in vượt quá diện tích (%) cho phép.

4. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Sửa đổi hình thức bảng, biển quảng cáo so với mẫu đã quy định trong giấy phép;

b) Quảng cáo không rõ tên, loại hàng hóa, sản phẩm, hoạt động được phép quảng cáo mà chỉ nêu tên hiệu, tên hãng chung chung;

c) Quảng cáo trên báo in, đài phát thanh, đài truyền hình vi phạm khoảng cách tối thiểu (5 ngày) giữa hai đợt quảng cáo.

5. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Quảng cáo trên trang nhất của báo ngày, báo tuần, báo tháng hoặc trên bìa một của tạp chí, đặc san, số phụ;

b) Kinh doanh loại hàng hóa được quảng cáo cho hàng hóa, sản phẩm cấm quảng cáo;

c) Quảng cáo xen lẫn trong nội dung tin, bài hoặc xen kẽ trong chương trình thời sự, chương trình chuyên đề trên đài phát thanh, đài truyền hình trừ các chương trình tiếp âm, tiếp sóng trực tiếp của nước ngoài.

6. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi sản xuất loại hàng hóa có quảng cáo cho hàng hóa, sản phẩm cấm quảng cáo.

7. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng Quốc kỳ, Quốc ca, Quốc huy, ảnh Lãnh tụ, Đảng kỳ, Quốc tế ca làm nền cho trình bày quảng cáo.

8. Hình thức xử phạt bổ sung và biện pháp khác đối với các hành vi vi phạm tại Điều này:

a) Tịch thu hàng hóa đối với trường hợp vi phạm quy định tại điểm b Khoản 5; Khoản 6;

b) Buộc tháo dỡ bảng, biển quảng cáo đối với trường hợp vi phạm quy định tại Khoản 2; điểm a Khoản 3; các điểm a, b Khoản 4 và Khoản 7.

Điều 26.- Vi phạm các quy định về địa điểm, vị trí, phạm vi quảng cáo.

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền đến 10.000 đồng đối với mỗi quảng cáo bằng áp-phích, tờ rời, tờ gấp không đúng nơi quy định trong giấy phép.

2. Phạt tiền từ 50.000 đồng đến 150.000 đồng đối với quảng cáo bằng băng-rôn không đúng nơi quy định trong giấy phép.

3. Phạt tiền từ 300.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Treo, dựng, đặt biển, bảng quảng cáo không đúng địa điểm, vị trí đã quy định trong giấy phép;

b) Treo, dựng, đặt biển, bảng quảng cáo trong phạm vi bảo vệ công trình giao thông, gây ảnh hưởng đến trật tự an toàn giao thông.

4. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi quảng cáo tại địa điểm cấm quảng cáo.

5. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi kinh doanh dịch vụ quảng cáo vượt quá phạm vi hành nghề, địa bàn hoạt động quy định trong giấy phép.

6. Hình thức xử phạt bổ sung và biện pháp khác đối với các hành vi vi phạm tại Điều này:

a) Tước quyền sử dụng giấy phép kinh doanh dịch vụ quảng cáo trong trường hợp tái phạm Khoản 5;

b) Buộc tháo dỡ băng-rôn, áp-phích, tờ rời, tờ gấp hoặc bảng, biển quảng cáo đối với trường hợp vi phạm quy định tại các Khoản 1, 2, 3 và 4.

Điều 27.- Vi phạm các quy định về nội dung quảng cáo.

1. Phạt tiền từ 200.000 đồng đến 500.000 đồng đối với hành vi sử dụng tranh, ảnh, áp-phích, tờ rời, tờ gấp, dù che, xe đẩy, thùng hàng để quảng cáo hàng hóa, sản phẩm thuộc loại cấm quảng cáo.

2. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.500.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Chào hàng, giới thiệu hàng hóa, sản phẩm thuộc loại cấm quảng cáo;

b) Quảng cáo hàng hóa, sản phẩm thuộc loại cấm quảng cáo trên biển hiệu;

c) Quảng cáo nội dung cho báo chí, xuất bản phẩm hoặc tác phẩm nghệ thuật chưa được cấp giấy phép xuất bản, chưa được phép phát hành, phổ biến hoặc công diễn.

3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi sửa đổi làm sai lệch nội dung bảng, biển quảng cáo đã duyệt trong giấy phép.

4. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Quảng cáo sai sự thật, sai chất lượng hàng hóa đã đăng ký;

b) Quảng cáo có nội dung làm giảm uy tín, chất lượng hàng hóa của tổ chức, cá nhân khác.

5. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Quảng cáo hàng hóa, sản phẩm thuộc loại cấm quảng cáo trên bảng, biển quảng cáo, trên phương tiện giao thông hoặc ở nơi hoạt động văn hóa công cộng;

b) Quảng cáo hàng hóa, sản phẩm thuộc loại cấm quảng cáo trên đài phát thanh, đài truyền hình, xuất bản phẩm, băng đĩa hình, băng đĩa nhạc.

6. Hình thức xử phạt bổ sung và biện pháp khác đối với các hành vi vi phạm tại Điều này:

a) Tịch thu hàng hóa, sản phẩm đối với trường hợp vi phạm quy định tại Khoản 1, điểm a Khoản 2;

b) Buộc tháo dỡ bảng, biển quảng cáo đối với trường hợp vi phạm quy định tại điểm b Khoản 2; Khoản 3; Khoản 4; điểm a Khoản 5;

c) Buộc bồi thường thiệt hại thực tế nhưng không quá 1.000.000 đồng đối với trường hợp vi phạm quy định tại điểm b Khoản 4; nếu thiệt hại trên 1.000.000 đồng thì việc bồi thường được giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự.

Điều 28.- Vi phạm các quy định về viết, đặt biển hiệu.

1. Phạt tiền từ 50.000 đồng đến 150.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Treo, đặt biển hiệu không gắn với trụ sở của cơ quan, tổ chức, khách sạn, nhà hàng, cửa hàng, cửa hiệu có biển hiệu;

b) Không ghi đầy đủ hoặc viết tắt tên gọi bằng tiếng Việt trên biển hiệu.

2. Phạt tiền từ 150.000 đồng đến 500.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Thể hiện không đầy đủ nội dung theo quy định trên biển hiệu;

b) Không sử dụng tên gọi, chữ viết bằng tiếng Việt trên biển hiệu của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, công ty của Việt Nam mà chỉ sử dụng tên gọi, chữ viết bằng tiếng nước ngoài;

c) Thể hiện tên gọi và chữ viết bằng tiếng nước ngoài trên biển hiệu mà có màu sắc, ánh sáng nổi bật hơn tên gọi, chữ viết bằng tiếng Việt;

d) Biển hiệu của các tổ chức kinh tế có tên viết tắt, tên giao dịch quốc tế, tên bằng tiếng nước ngoài mà thể hiện phía trên tên bằng tiếng Việt hoặc có kích thước to hơn tên bằng tiếng Việt;

d) Biển hiệu có kèm nội dung quảng cáo.

3. Hình thức xử phạt bổ sung và biện pháp khác đối với các hành vi vi phạm tại Điều này:

Buộc tháo dỡ biển hiệu đối với trường hợp vi phạm quy định tại điểm a Khoản 1; Khoản 2.

Chương III

THẨM QUYỀN, THỦ TỤC XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH

Điều 29.- Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Ủy ban Nhân dân các cấp.

Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các cấp có quyền xử phạt theo thẩm quyền quy định tại các Điều 26, 27 và 28 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính trong phạm vi địa bàn do mình quản lý đối với các hành vi vi phạm được quy định tại Nghị định này.

Điều 30.- Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của cơ quan thanh tra chuyên ngành Văn hóa - Thông tin.

Lực lượng thanh tra chuyên ngành Văn hóa - thông tin có quyền xử phạt theo thẩm quyền quy định tại Điều 34 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm trong các hoạt động văn hóa và dịch vụ văn hóa được quy định tại Nghị định này.

Điều 31.- Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của cơ quan Cảnh sát.

Lực lượng Cảnh sát nhân dân có quyền xử phạt theo thẩm quyền quy định tại Điều 29 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính đối với các tệ nạn xã hội và các hành vi vi phạm trong hoạt động văn hóa và dịch vụ văn hóa liên quan đến trật tự an toàn xã hội thuộc phạm vi thẩm quyền của mình được quy định tại Nghị định này.

Điều 32.- Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của cơ quan Quản lý thị trường.

Lực lượng Quản lý thị trường có quyền xử phạt theo thẩm quyền quy định tại Điều 33 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm trong hoạt động kinh doanh phim, băng đĩa hình, băng đĩa nhạc, sách, báo, tranh, ảnh, lịch và hoạt động kinh doanh của các cơ sở lưu trú, nhà hàng ăn uống được quy định tại Nghị định này.

Điều 33.- Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Bộ đội Biên phòng, Hải quan.

Lực lượng Biên phòng, Hải quan có quyền xử phạt theo thẩm quyền quy định tại Điều 29 và Điều 30 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm trong hoạt động quản lý xuất khẩu, nhập khẩu phim, băng đĩa hình, băng đĩa nhạc, sách, báo, tranh, ảnh, lịch được quy định tại Nghị định này.

Điều 34.- Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của cơ quan Thanh tra chuyên ngành Y tế.

Lực lượng Thanh tra chuyên ngành Y tế có quyền xử phạt theo thẩm quyền quy định tại Điều 34 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm trong hoạt động dịch vụ xoa bóp, quảng cáo dược phẩm, dược liệu, mỹ phẩm, dụng cụ y tế và những hoạt động y tế chưa được cơ quan Y tế có thẩm quyền duyệt được quy định tại Nghị định này.

Điều 35.- Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của cơ quan Thanh tra chuyên ngành Lao động.

Lực lượng Thanh tra chuyên ngành Lao động có quyền xử phạt theo thẩm quyền quy định tại Điều 34 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính đối với các hành vi sử dụng lao động mà không ký kết hợp đồng lao động được quy định tại Nghị định này.

Điều 36.- Thu, nộp tiền phạt.

Cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm hành chính trong các hoạt động văn hóa, dịch vụ văn hóa, phòng chống tệ nạn xã hội mà bị phạt tiền thì phải nộp tiền tại nơi quy định; trong trường hợp không nộp tiền đúng thời hạn quy định thì bị cưỡng chế thi hành.

Nghiêm cấm người xử phạt thu tiền phạt tại chỗ.

Điều 37.- Tịch thu và xử lý tang vật, phương tiện vi phạm hành chính.

Khi áp dụng hình thức tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính về hoạt động văn hóa, dịch vụ văn hóa và phòng chống tệ nạn xã hội, người có thẩm quyền xử phạt phải thực hiện đúng thủ tục quy định tại Điều 51 và Điều 52 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính và những quy định sau đây:

a) Đối với tang vật vi phạm hành chính là phim, băng đĩa hình, băng đĩa nhạc, xuất bản phẩm không có vi phạm về nội dung và phương tiện vi phạm thì người ra quyết định tịch thu phải chuyển cho cơ quan Tài chính cùng cấp để tổ chức Hội đồng Định giá (trong đó đại diện cơ

quan Văn hóa - Thông tin là thành viên bắt buộc) và bán đấu giá.

b) Đối với tang vật vi phạm hành chính là băng hình không dán nhãn, hoặc dán nhãn giả, phim, băng đĩa hình, băng đĩa nhạc, xuất bản phẩm chưa được phép lưu hành thì người ra quyết định tịch thu phải chuyển cho cơ quan Văn hóa - Thông tin cùng cấp để tiến hành việc giám định; trường hợp phim, băng đĩa hình, băng đĩa nhạc, xuất bản phẩm sau khi giám định kết luận không có vi phạm về nội dung, có thể lưu hành được thì giao cho cơ quan Tài chính cùng cấp để tổ chức Hội đồng Định giá và bán đấu giá theo quy định tại điểm a Điều này; trường hợp phim, băng đĩa hình, băng đĩa nhạc, xuất bản phẩm sau khi giám định kết luận có nội dung đồi trụy, khiêu dâm, kích động bạo lực thì cơ quan Văn hóa - Thông tin tiến hành việc tiêu hủy theo quy định tại Điều 38 của Nghị định này.

c) Đối với phim, băng đĩa hình, băng đĩa nhạc, xuất bản phẩm đã có quyết định cấm lưu hành, quyết định thu hồi thì người ra quyết định tịch thu phải chuyển giao cho cơ quan Văn hóa - Thông tin để xử lý theo thẩm quyền.

d) Mọi trường hợp chuyển giao và xử lý tang vật, phương tiện vi phạm hành chính quy định tại các điểm a, b và c của Điều này đều phải lập thành biên bản có ký xác nhận của các bên hữu quan.

Điều 38.- Tiêu hủy tang vật vi phạm hành chính.

1. Đối với tang vật là phim, băng đĩa hình, băng đĩa nhạc, xuất bản phẩm mà rõ ràng có nội dung đồi trụy, khiêu dâm, kích động bạo lực thì người ra quyết định xử phạt quyết định việc tiêu hủy theo thẩm quyền hoặc chuyển giao cho cơ quan có thẩm quyền để tiêu hủy.

2. Đối với tang vật là phim, băng đĩa hình, băng đĩa nhạc, xuất bản phẩm mà về nội dung có dấu hiệu đồi trụy, khiêu dâm, kích động bạo lực thì người có thẩm quyền xử phạt phải chuyển cho cơ quan Văn hóa - Thông tin có thẩm quyền để tổ chức giám định; nếu sau khi giám định mà kết luận tang vật có nội dung đồi trụy, khiêu dâm, kích động bạo lực thì cơ quan Văn hóa - Thông tin đó tổ chức việc tiêu hủy.

Trường hợp phim, băng đĩa hình, băng đĩa nhạc, xuất bản phẩm sau khi giám định mà kết luận là không có nội dung đồi trụy, khiêu dâm, kích động bạo lực thì phải chuyển giao cho cơ quan Tài chính cùng cấp để tổ chức Hội đồng Định giá và bán đấu giá theo quy định tại Điều 37 của Nghị định này.

3. Khi tiến hành tiêu hủy phim, băng đĩa hình, băng đĩa nhạc, xuất bản phẩm có nội dung đồi trụy, khiêu dâm, kích động bạo lực thì cơ quan áp dụng biện pháp này phải thành lập Hội đồng Xử lý với

thành phần gồm có đại diện cơ quan Văn hóa - Thông tin, cơ quan Công an, cơ quan Tài chính và Viện Kiểm sát Nhân dân cùng cấp; trong trường hợp cần thiết có thể mời đại diện các cơ quan, tổ chức hữu quan chứng kiến việc tiêu hủy.

Việc tiêu hủy phải được lập thành văn bản có ký xác nhận của các thành viên Hội đồng Xử lý.

4. Bộ Văn hóa - Thông tin hướng dẫn cụ thể thủ tục tiêu hủy quy định tại Điều này.

Điều 39.- Khiếu nại, tố cáo.

1. Công dân có quyền tố cáo với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về việc vi phạm hành chính của các tổ chức, cá nhân trong hoạt động văn hóa, dịch vụ văn hóa và phòng chống tệ nạn xã hội quy định tại Nghị định này hoặc tố cáo những vi phạm của người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính quy định tại Nghị định này.

2. Tổ chức, cá nhân bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc người đại diện hợp pháp của họ có quyền khiếu nại với người đã ra quyết định xử phạt trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định.

3. Trình tự, thủ tục khiếu nại, tố cáo và thẩm quyền giải quyết khiếu nại, tố cáo các vi phạm hành chính trong hoạt động văn hóa, dịch vụ văn hóa, phòng chống tệ nạn xã hội được áp dụng theo quy định tại các Điều 87, 88 và 90 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 40.- Nghị định này có hiệu lực kể từ ngày 1 tháng 2 năm 1996.

Những quy định trước đây trái với Nghị định này đều bị bãi bỏ.

Điều 41.- Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình có trách nhiệm hướng dẫn việc tổ chức thi hành Nghị định này.

Điều 42.- Bộ trưởng các Bộ, Thủ trưởng các cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

T.M. Chính phủ

Thủ tướng

VÕ VĂN KIẾT